

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/CBTT-ĐK/2019

Thủ Dầu Một, ngày 19 tháng 03 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Dương Anh Thu**
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố thông tin (*):

+ Công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2018 – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

+ Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2019 tại đường dẫn: <http://www.biwase.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Dương Anh Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi

Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 3835679 - 0274. 3827789 - Fax: 0274. 327 738

Website: www.biwase.com.vn Email: binhduong@biwase.com.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN****2018**

Phụ lục số II**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2012/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Năm báo cáo 2018

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700145694
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.500.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 11 Ngô văn trị, phường phú Lợi, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại: 0274 3824245
- Số fax: 0274 3827 738
- Website: www.Biwase.com.vn
- Mã cổ phiếu: BWE

2. Quá trình hình thành và phát triển**Giai đoạn 1975 – 1991**

- Trước năm 1975: tên tiền thân là "Trung Tâm Cấp Thủy Bình Dương" với 5 trạm bơm nước ngầm: Công An, Ngô Quyền, Cầu Ông Đành, Yersin I và Gò Đậu I.
- Tháng 5/1975: đổi tên thành Nhà Máy Nước Thủ Dầu Một - trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Sông Bé, xây dựng thêm một số trạm bơm mới như: Bến Bắc, Nam Sanh, Phú Hòa, Tinh Đội, Hoàng Hoa Thám, Kiểm Lâm, Phú Thuận, Mũi Tàu, Trung Vương, Ngô Chí Quốc, Yersin II, Cầu ông Đành II, Gò Đậu II với tổng công suất 5.000m³/ngày đêm, nhiệm vụ chủ yếu là cấp nước sạch cho nhân dân khu vực nội ô thị xã TDM. Số lượng khách hàng khoảng 2.000 hộ tiêu thụ bao gồm cơ quan và nhân dân.

- Năm 1979: đổi tên thành "Xí nghiệp điện nước nhà ở và công trình công cộng" trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé

Giai đoạn 1991 – 2000

- Năm 1991: đổi tên thành "Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé", trực thuộc TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Ngày 15/10/1992: Xí nghiệp cấp nước Sông Bé có quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ sản xuất, phân phối nước sạch và thi công lắp đặt các công trình chuyên ngành cấp nước. Doanh nghiệp được hạch toán độc lập, có con dấu riêng, trực thuộc UBND tỉnh Sông Bé. Tiếp tục khai thác và quản lý các trạm bơm nước ngầm. Công suất đạt 5.000m³/ngày đêm, cung cấp cho khoảng 5.000 hộ dân chủ yếu khu vực nội ô.
- Năm 1995: nhà máy nước mặt đầu tiên – NMN Thủ Dầu Một đi vào hoạt động với công suất 7.500 m³/ngày đêm, một số giếng nước ngầm không còn sử dụng được dùng để dự phòng.
- Năm 1996: Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé đổi tên thành “Công ty Cấp nước Sông Bé”.
- Ngày 13/06/1997: Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương ra đời sau nhiều lần đổi tên cho phù hợp với tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh. Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, công ty chịu sự chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương trực thuộc Sở Xây dựng quản lý Nhà nước theo ngành nghề kinh tế kỹ thuật. Tại thời điểm này công suất được nâng lên là 21.600 m³/ngày đêm.

Giai đoạn 2000 – 2010

- Ngày 21/12/2005, thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp, UBND tỉnh Bình Dương có quyết định chuyển tên Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương thành Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước - Môi Trường Bình Dương (BIWASE)
- Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và đa dạng ngành nghề, trong giai đoạn này Công ty quyết định thành lập 08 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp cấp nước Thủ Dầu Một, Xí nghiệp cấp nước Dĩ An, Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp, Xí nghiệp Xử lý rác thải, Xí nghiệp Tư vấn cấp thoát nước và Xây lắp, Xí nghiệp Quản lý khai thác Thủy Lợi, Xí nghiệp Công trình Đô thị và 03 Ban quản lý Dự án đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển các loại hình dịch vụ của công ty nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung. Chức năng, nhiệm vụ chính: kinh doanh trong các lĩnh vực cấp và thoát nước đô thị; quản lý và khai thác thủy lợi; thu gom và xử lý chất thải – nước thải; tư vấn thiết kế, lập dự toán, dự án các công trình cấp thoát nước; kinh doanh dịch vụ chuyên ngành. Doanh thu tăng trưởng hàng năm khoảng từ 15 → 20%.

Giai đoạn 2010 – 2014:

- Đầu tháng 06/2010, theo chủ trương của UBND tỉnh Bình Dương, Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn cho Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên (Becamex IDC) cho đến nay.
- Tiếp tục trên đà phát triển, Công ty thành lập thêm 02 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp cấp nước Tân Uyên (2011) và Xí nghiệp Xử lý nước thải Thủ Dầu Một (2012) đưa tổng số đơn vị trực thuộc lên 10 Xí nghiệp, 02 Nhà máy nước, 12 phòng – ban và trung tâm.

Giai đoạn 2015 – Nay:

- Chấp hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và
- Quyết định số 4295/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần Công ty TNHH MTV CTN - MT Bình Dương thuộc Tổng công ty ĐT& PTCN TNHH MTV (Becamex IDC).
- Kể từ ngày 30/9/2016, công ty đã chính thức chuyển hình thức từ công ty TNHH 100% vốn sở hữu của nhà nước thành công ty cổ phần với tên Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương với vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn nhà nước tham gia 51% và vốn tư nhân 49% vốn điều lệ.
- Trong kỳ, từ tháng 8→9/2017 tiến hành thực hiện công tác thoái vốn nhà nước, đến ngày 22/9/2017 hoàn tất thoái vốn nhà nước 10% vốn điều lệ, tương đương 15 triệu cổ phần, giảm tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại còn 41% vốn điều lệ tại công ty BIWASE.
- Thực hiện theo chủ trương số 3421/UBND – KTTH ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về thực hiện công tác thoái vốn nhà nước, kế hoạch thoái vốn nhà nước 16% vốn điều lệ, tương đương 24 triệu cổ phần, giảm tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại từ 41% còn lại 25% vốn điều lệ tại công ty BIWASE.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**a) Ngành nghề kinh doanh chính:**

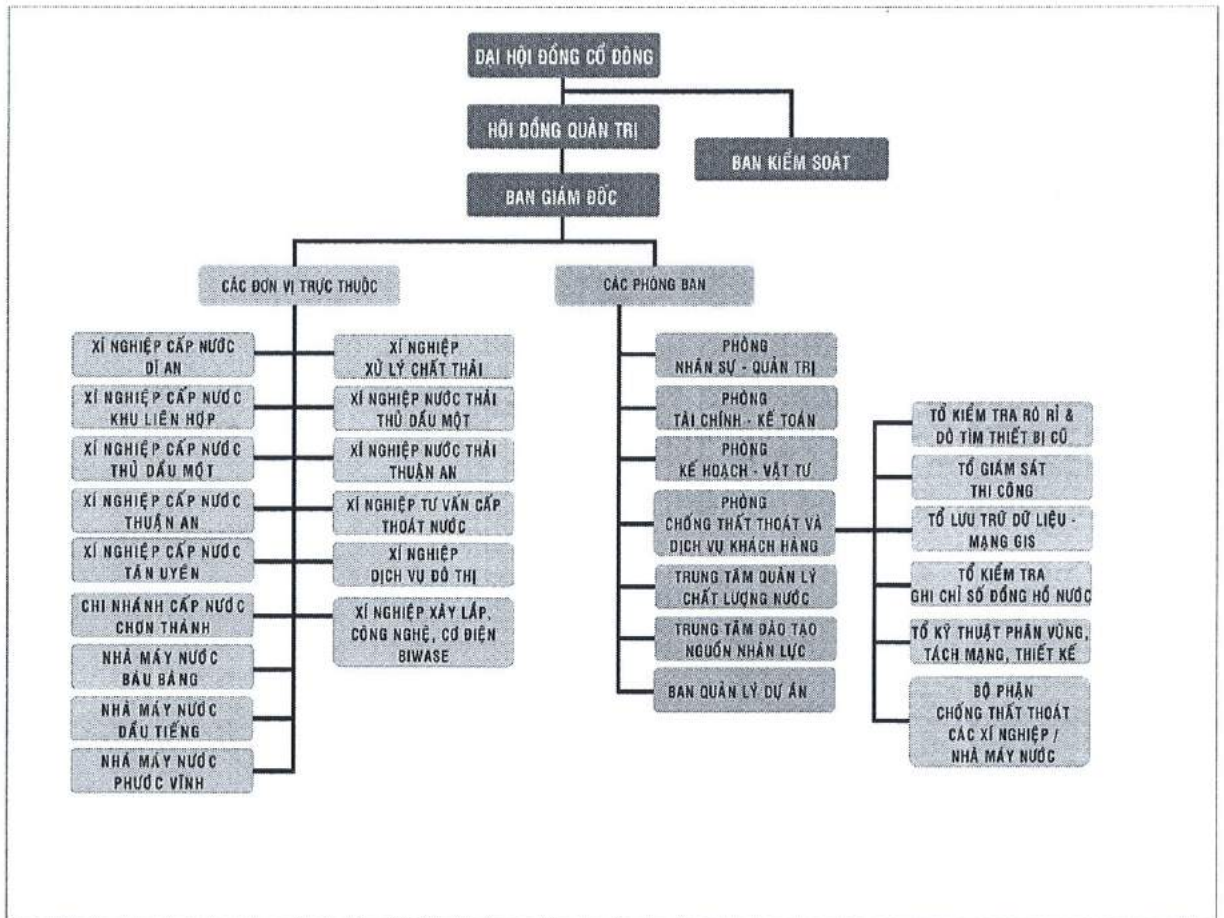
- Sản xuất, cung cấp nước sạch.
- Thu gom, xử lý chất thải.

b) Địa bàn kinh doanh:

- Tỉnh Bình Dương.
- Huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

▪ Sơ đồ tổ chức



▪ Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban điều hành;

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
1	NGUYỄN VĂN THIÊN	Chủ tịch	Thành viên điều hành
2	TRẦN CHIẾN CÔNG	Thành viên	Thành viên điều hành
3	DƯƠNG HOÀNG SƠN	Thành viên	Thành viên điều hành
4	NGUYỄN THỊ THU VÂN	Thành viên	Thành viên điều hành
5	NGUYỄN VĂN TRÍ	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	NGUYỄN THANH PHONG	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	TẠ TRỌNG HIỆP	Thành viên	Thành viên không điều hành

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng			
1	TRẦN CHIẾN CÔNG	Tổng Giám đốc	
2	DƯƠNG HOÀNG SƠN	Phó Tổng Giám đốc	
3	NGUYỄN THỊ THU VÂN	Phó Tổng Giám đốc	
4	LÊ VĂN GÒN	Phó Tổng Giám đốc	
5	NGÔ VĂN LUI	Phó Tổng Giám đốc	
6	TRẦN TẤN ĐỨC	Kế toán trưởng	
A. Ban kiểm soát			
1	DƯƠNG ANH THƯ	Trưởng ban	
2	TRẦN THỊ KIM OANH	Thành viên	
3	NGUYỄN ĐỨC BẢO	Thành viên	

- Cơ cấu bộ máy quản lý.
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban Kiểm soát;
 - Ban điều hành;
 - Kế toán trưởng;
 - Các đơn vị / bộ phận chuyên môn;
 - Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Cty (tỷ đồng/%)
Công ty Cổ phần Đầu tư & XD Chánh Phú Hòa	Số 7 Ngô Văn trị, P Phú Lợi, TP TDM, Bình Dương	Xây dựng, Kinh doanh nghĩa trang	246,98	43,12%
Công ty CP cấp nước Đồng Nai	48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất, kinh doanh nước sạch	1.000	17,70%
Công ty Cổ phần tái chế vật liệu xanh (3R)	Số 7 Ngô Văn trị, P Phú Lợi, TP TDM, Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	15	81,75%

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Bình Dương đang có sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặt biệt tại khu trung tâm hành chính của tỉnh, huyện mới Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên, tình hình phát triển chung của thế giới có dấu hiệu tăng dần. Do vậy, công ty tập trung cung cấp các dịch vụ cấp, thoát nước, xử lý rác thải tại các khu vực trên địa bàn. Ngoài ra, việc kinh doanh nước sạch ra ngoài tỉnh, tại huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước cũng được tập trung thực hiện và hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục phát huy, tạo thương hiệu của Công ty ngày càng tăng uy tín trong thị trường. Trong đó tăng cường công tác phát triển quảng bá hình ảnh công ty, kinh doanh sản phẩm phân bón Con voi, gạch tự chèn Con Voi ngày càng được các khách hàng tin tưởng sử dụng.
- Lấy khách hàng làm trung tâm, xây dựng đội ngũ dịch vụ bán hàng, nghiên cứu bán giải pháp nâng cao dịch vụ khách hàng.
- Áp dụng công nghệ mới vào sản xuất.
- Xây dựng, Đào tạo đội ngũ nhân sự, tiếp nhận công nghệ mới.
- Triển khai mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).
- Tăng cường công tác phát triển dịch vụ khách hàng để phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Kiểm tra, đánh giá kịp thời, nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh đúng lúc những điểm yếu, những bộ phận còn yếu;
- Tiếp tục thực hiện khẩu hiệu hành động: “Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu làm việc của chúng ta. Sự phát triển công ty là niềm vui, niềm tự hào của chúng ta”

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Song song với công tác phát triển khách hàng ở những khu vực hiện hữu, tập trung đầu tư phát triển đầu tư ống trực tại các huyện mới như Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên,
- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng, và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động tạo ra sản phẩm mới, giải pháp hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành giữa công ty và các xí nghiệp;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp để nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV luôn được chú trọng;
- Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất để hạn chế hao hụt, thất thoát, rủi ro gây ra.
- Tiếp tục phát huy việc xã hội hóa trong các lĩnh vực có lợi thế để huy động thêm nguồn lực từ bên ngoài;

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, song song với thực hiện các chỉ tiêu tài chính và sản xuất kinh doanh hàng năm, doanh nghiệp sẽ thực hiện tốt các nhiệm vụ mà tỉnh đã giao song song đó cũng cam kết đảm bảo thực hiện mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Bình Dương quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu.... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.
- Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Bình Dương nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, trong khi đó Công ty đang gặp khó khăn về nguồn vốn đầu tư, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có sự hỗ trợ vốn từ các nguồn lực khác để phát triển hệ thống cấp nước và xử lý rác thải.

- Các trạm cấp nước nông thôn sau khi được công ty tiếp nhận đều được tập trung đổi mới, thay nguồn nước cấp từ nước ngầm sang nước mặt, đầu tư, cải tạo mạng lưới cấp nước cũng như thay đổi những đồng hồ khách hàng để việc đo đếm có độ chính xác cao và thực hiện những biện pháp để giảm lượng thất thoát nước khá cao, từ đó làm phát sinh chi phí đầu tư tăng cao trong khi giá nước vẫn áp dụng theo mức trợ giá cho người tiêu thụ khu vực nông thôn.
- Hiện tại chưa có lộ trình điều chỉnh giá của các sản phẩm phục vụ công ích phù hợp.
- Quá trình tiếp cận với các nguồn vốn ODA ngày càng khó khăn nên chuyển dần các nguồn vốn xã hội hóa để hạn chế rủi ro.
- Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.
- Còn nhiều hộ khách hàng còn sử dụng nước ngầm, một số doanh nghiệp còn lén lút khoan giếng nước ngầm.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu thực hiện: **2.247** tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch đề ra tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 (2.044 tỷ đồng), tăng 21% so với năm 2017 (1.858 tỷ đồng).
- Tổng chi phí: **1.895** tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: **351** tỷ đồng, đạt 134% so với nghị quyết đại hội đề ra (≥ 262 tỷ đồng), đạt 148 % so với năm 2017 (238 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **313** tỷ đồng.
- ✓ **Sản xuất kinh doanh nước sạch:**
 - Doanh thu sản xuất nước: **1.329** tỷ đồng. Đạt **94%** kế hoạch năm 2018 (1.413 tỷ đồng).
 - Nước sản xuất: **140.560.031m³**, trong đó chiếm 1,52% (2.140.420m³) nước tự dùng phục vụ bảo trì, súc xả đường ống và vệ sinh công nghiệp, tăng so với cùng kỳ nguyên nhân do công trình thi công tuyến ống nước thải. Lượng hoá chất sử dụng như vôi, phèn, clor... sử dụng theo quy định, tiêu chuẩn về xử lý nước ăn uống.
 - Sản lượng nước tiêu thụ: **131.661.233m³**, đạt 91,35% so với kế hoạch năm 2018 (144.126.000m³).
 - Thất thoát nước trong năm 2018: **5,75%/năm**.
 - Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m³ nước sản xuất là: **0,38 Kw/m³**.

- Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2018: **31.398** đầu nối, đạt 82 % kế hoạch được giao 38.298 đầu nối và lũy kế tính đến ngày 31/12/2018 đã có 213.724 đầu nối khách hàng.
- Tính đến cuối năm 2018 công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 4.000 km đường ống cấp nước các loại từ D60 – D1400, trong đó tăng thêm trong năm 2018 đạt 395km.

✓ **Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:**

- Doanh thu năm 2018 của xử lý chất thải: **623** tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch được giao năm 2018 (600 tỷ đồng).
- Khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2018 là 891.314,90 tấn và 308.256 m³ nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.475 tấn/ngày** và 856 m³/ngày nước rỉ rác. Phân loại chất thải và chiếm tỷ lệ như: Rác thải sinh hoạt (675.673,89 tấn, chiếm 75,81%), Chất thải công nghiệp không nguy hại (164.241,21 tấn, chiếm 18,43%), Chất thải công nghiệp nguy hại (14.699,63tấn, chiếm 1,65%), Bùn thải và chất thải y tế (36.700,17 tấn chiếm 4,12%).
- - Tổng số khách hàng của xí nghiệp xử lý chất thải hiện nay là: **2.305** khách hàng. Trong đó phát triển trong năm 2018 đến nay là 167 khách hàng (đến 31/12/2017 là 2.138 khách hàng)

✓ **Công tác thu gom, xử lý nước thải:**

- Doanh thu năm 2018 của lĩnh vực xử lý nước thải: **51,8** tỷ đồng, đạt 91,7 % kế hoạch được giao 2018 (56,5 tỷ đồng), trong đó:
- **Nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một: 31,9** tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.650m³/ngày đêm vào ngày 31/5/2013. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý trong năm 2018: 4.546.072.m³, đạt công suất bình quân khoảng **12.544m³/ngày đêm**, đạt 82% kế hoạch được giao 15.300 m³/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2018: 5.363hộ (trong đó tăng trong năm 2018 là 797 hộ)
- **Nhà máy xử lý nước thải Thuận An: 17,3** tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.000m³/ngày đêm vào ngày 21/04/2017. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý trong năm 2018: 1.809.514m³, đạt công suất bình quân khoảng **5.026m³/ngày đêm**, đạt 49% kế hoạch được giao 10.247 m³/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến nay: 1.533hộ (trong đó tăng trong năm 2018 là 1.030 hộ)
- **Nhà máy xử lý nước thải Dĩ An: 2,6** tỷ đồng, đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 20.000m³/ngày đêm vào ngày 30/11/2018. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý đến tháng 12 năm 2018 ước khoảng: 384.388m³, đạt công suất bình quân khoảng **5.000m³/ngày đêm**, đạt 49% kế hoạch được giao 10.247 m³/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2018: 65hộ.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện 2018.

❖ Cấp nước:

- Mặc dù đã đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, nhưng hiệu quả đạt được chưa được như mong đợi, chỉ tiêu thực hiện về sản lượng tiêu thụ và số đầu nối khách hàng trong năm chưa đạt chỉ tiêu đề ra.
- Công tác trình điều chỉnh giá nước sạch: trong năm đã chuẩn bị tốt nhất và đến nay đã có kết quả như mong đợi.
- Nhằm mở rộng phạm vi phục vụ, công ty đã triển khai thi công tuyến ống cấp nước đến các vùng nông thôn, vùng ven các thị trấn để người dân được hưởng lợi ích từ nguồn nước sạch của công ty. tuy nhiên hiệu quả mang lại hiện chưa tương xứng.
- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.

❖ Rác thải:

- Công tác thu gom và xử lý rác trong năm có nhiều thuận lợi: lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, các sản phẩm gạch, phân bón Con Voi đều được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

❖ Nước thải:

Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đầu nối trong những năm tới.

❖ Đầu tư:

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư ưu đãi và phù hợp cho các công trình mang tính công ích ngày càng khó khăn.
- Đầu tư tài chính: vẫn còn một số việc chưa như ý.

2.3. Tổ chức và nhân sự

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

TRẦN CHIẾN CÔNG

Tổng Giám đốc

DƯƠNG HOÀNG SƠN

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Phó Tổng Giám đốc

LÊ VĂN GÒN

Phó Tổng Giám đốc

NGÔ VĂN LUI

Phó Tổng Giám đốc

TRẦN TẤN ĐỨC

Kế toán trưởng

Ông Trần Chiến Công

Tổng Giám đốc Công ty:

Giới tính	: NAM
Ngày tháng năm sinh	: 06/12/1978
Nơi sinh	: BÌNH DƯƠNG
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 280687490 cấp ngày: 15/05/2015 Tại: CA.Bình Dương
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Bình Dương
Địa chỉ thường trú	: Số 20 Ấp kiến An, An Lập, Dầu Tiếng Bình Dương
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	:
Đến 2004	: Nhân viên đội xây lắp công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 2004 đến 2006	: Nhân viên tổ xây lắp xí nghiệp cấp nước Dĩ An công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương.
Từ 3/2006- 6-2006	: Trưởng phòng kinh doanh xí nghiệp cấp nước Dĩ An
Từ 2006 đến 2008	: Phó Giám đốc XN cấp nước Dĩ An - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 2008 đến 2015	: Giám đốc XN cấp nước Dĩ an - C ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 3/2015- 8/2016	: Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước- môi trường Bình Dương
Từ 30/09/2016 đến nay	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương

Chức vụ công tác hiện nay của : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty đại chúng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần sở hữu : 215.989 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV : 61.500.000 cổ phần (chiếm 41% vốn điều lệ)

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

DƯƠNG HOÀNG SƠN

Phó tổng giám đốc

Giới tính : NAM

Ngày tháng năm sinh : 15/01/1965

Nơi sinh : BÌNH DƯƠNG

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 280337426 cấp ngày: 26/10/2007 Tại: CA.Bình Dương

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Dương

Địa chỉ thường trú : ĐX 68 KP6, P.Đinh Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

Từ 1997 đến 2000 : Công nhân vận hành Nhà máy nước Thủ Dầu

	Một
Từ 2000 đến 2002	: Trưởng Ca sản xuất Nhà máy nước Thủ Dầu Một
Từ 2002 đến 2004	: Quản đốc nhà máy nước Thủ Dầu Một
Từ 2004 đến 2007	: Giám đốc XN cấp nước Dĩ An
Từ 2007 đến 29/09/2016	: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 30/09/2016 đến nay	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương
Chức vụ công tác hiện nay của công ty đại chúng	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Số cổ phần sở hữu	: 21.100 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính	: NỮ
Ngày tháng năm sinh	: 01/01/1968
Nơi sinh	: Tiền giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 280647944 cấp ngày: 10/01/2002 Tại: CA.Bình Dương
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Tiền giang
Địa chỉ thường trú	: Số 27, Tổ 8, Khu 2 Ngô Văn Trị Phường Phú Lợi, TDM, Bình Dương

Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ QTKD
Quá trình công tác	:
Từ 19900 đến 1993	: Nhân viên phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 1993 đến 2000	: Nhân viên phòng tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 2001 đến 2004	: Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 2005 đến 2006	: Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
Từ 2007 đến 2011	: Phó ban quản lý dự án cấp nước và vệ sinh Nam thủ Dầu một, kiêm trưởng phòng Ban QLDA- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
	: Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước- môi trường Bình Dương
Từ 30/09/2016 đến nay	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương
Chức vụ công tác hiện nay của công ty đại chúng	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Số cổ phần sở hữu	: 61.500 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan	: Không

LÊ VĂN GÒN

Phó tổng giám đốc

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 23/10/1959
Nơi sinh	:
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 280999897 cấp ngày: 08/06/2007 Tại: CA Bình Dương
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Quảng Bình
Địa chỉ thường trú	: 1/8 , khu 2, Phường Phú Lợi – Thủ Dầu Một – Bình Dương
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cấp Thoát Nước
Quá trình công tác	:
Từ 1983 đến 1985	: Làm việc tại XN Xây Lấp Sông Bé
Từ 1986 đến 9/1996	: Sở xây dựng Sông Bé
Từ 1996 đến nay	: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
Từ 30/09/2016 đến nay	: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương
Chức vụ công tác hiện nay	: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
Số cổ phần sở hữu	: Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	: 44.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : Không
những người có liên quan

NGÔ VĂN LUI

Phó tổng giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/09/1967

Nơi sinh : Bình Dương

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 280354953 cấp ngày: 14/03/2015 Tại: CA
Bình Dương

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Dương

Địa chỉ thường trú : 48 - K9 - Kp 5 – P. Định Hòa – Thủ Dầu Một
– Bình Dương

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

Quá trình công tác :

Từ 1988 đến 1990 : Tổ trưởng tổ bơm phòng Nông Lâm Thủy L
ợi Thị xã Thủ Dầu Một

Từ 1990 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV
Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương

Từ 30/09/2016 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước -
Môi trường Bình Dương

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước -
Môi trường Bình Dương

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ : Không
chức khác

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công : Không
ty

Số cổ phần sở hữu : 17.700 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

TRẦN TẤN ĐỨC
Kế toán trưởng công ty

Giới tính : NAM

Ngày tháng năm sinh : 15/02/1977

Nơi sinh : BÌNH DƯƠNG

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 280629997 cấp ngày: 01/11/2007
Tại: CA.Bình Dương

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Dương

Địa chỉ thường trú : 1398/3, kp6, P.Định Hoà, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Từ 2002 Đến 3/2003 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây dựng Điện Miền Nam

Từ 01/4/2004 đến 02/2005 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương; nhân viên kế toán Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương

Từ 02/2005 đến 01/2011 : Kế toán trưởng Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương.

Từ 01/2011 đến 29/09/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương.

Từ 30/09/2016 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nước- Môi trường Bình Dương

Chức vụ công tác hiện nay của : Kế toán trưởng công ty đại chúng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần sở hữu : 13.600 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

TT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính	1.110	100%
1	Nam	858	77,30%
2	Nữ	252	22,70%
II	Phân loại theo trình độ	1.110	100%
1	Trình độ đại học và trên đại học	238	20,27%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	369	25,61%
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	503	54,12%
III	Phân loại theo hợp đồng lao động	1.110	100%
1	Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	479	43,15%
2	Hợp đồng thời hạn 6 tháng		0,00%
3	Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	631	56,85%

1. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các công trình đang thực hiện giải ngân trong năm đạt **1.493** tỷ đồng, đạt 97,7%

kế hoạch năm 2018 (1.527 tỷ đồng). Nhìn chung, trong công tác xây dựng cơ bản tuy có khó khăn về vốn, về công tác giải tỏa đền bù, hồ sơ phức tạp nhưng cơ bản đạt mục tiêu đề ra, các công trình chủ yếu bao gồm:

❖ **Các công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Việc góp vốn vào công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa tính đến ngày 31/12/2018 là 141.552 tỷ đồng, tương đương 10.650.792 cổ phần, chiếm 43,12% trên tổng số 24.698.864 cổ phần của công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa.
- Tham gia với tư cách là nhà đầu tư chiến lược Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai 273,08 tỷ đồng, tương đương 17.700.000 cổ phần, chiếm 17.7% trên tổng số 100.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Việc góp vốn vào Công ty cổ phần Tái chế Vật liệu Xanh tổng giá trị đã đầu tư là 12,59 tỷ đồng, đạt 81.75% vốn điều lệ của công ty cổ phần tái chế Vật Liệu Xanh.

Trình tự và nội dung thực hiện góp vốn phù hợp với chủ trương, nghị quyết của chủ sở hữu, UBND tỉnh và các quy định của pháp luật.

Hiệu quả của việc đầu tư: cổ tức được chia trên tổng giá trị vốn góp vào công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa được chia tương đương tỷ suất lợi nhuận khoảng 19%/năm. Cổ tức tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được chia tương đương tỷ suất lợi nhuận khoảng 8%/năm.

Cổ tức được chia này được căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp - công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa và Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Mức tăng (+/-)	Mức tăng (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,795,861,124,399	2,171,817,061,711	375,955,937,312	21%
2. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,795,861,124,399	2,171,817,061,711	375,955,937,312	21%
3. Giá vốn hàng bán	1,145,951,496,846	1,309,033,892,919	163,082,396,073	14%
4. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	649,909,627,553	862,783,168,792	212,873,541,239	33%
5. Doanh thu hoạt động tài chính	37,745,008,150	35,049,372,663	-2,695,635,487	-7%
6. Chi phí tài chính	87,010,455,133	184,583,337,652	97,572,882,519	112%
7. Chi phí bán hàng	267,643,228,208	270,431,867,551	2,788,639,343	1%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	101,516,786,922	108,370,944,274	6,854,157,352	7%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	231,484,165,440	334,446,391,978	102,962,226,538	44%
10. Thu nhập khác	24,417,069,616	40,201,760,595	15,784,690,979	65%
11. Chi phí khác	17,897,330,820	24,055,274,897	6,157,944,077	34%
12. Lợi nhuận khác	6,519,738,796	16,146,485,698	9,626,746,902	148%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238,003,904,236	350,592,877,676	112,588,973,440	47%
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31,490,049,873	37,367,677,176	5,877,627,303	19%
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	206,513,854,363	313,225,200,500	106,711,346,137	52%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018 (1)	Năm 2017 (2)	Chênh lệch (1)/(2)
Tổng tài sản	7.218.722.816.996	5.361.415.705.552	135%
Doanh thu thuần	2.171.817.061.711	1.795.861.124.399	121%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	334.446.391.978	231.484.165.440	144%
Lợi nhuận khác	16.146.485.698	6.519.738.796	248%
Lợi nhuận trước thuế	350.592.877.676	238.003.904.236	147%
Lợi nhuận sau thuế	313.225.200.500	206.513.854.363	152%
1. Chỉ số khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,62	1,14	
2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,65	0,63	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,85	1,73	
3. Chỉ số về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	4,17	4,07	
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,30	0,33	
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14%	11%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12%	11%	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4.3%	4%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	15%	13%	

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số cổ phần tự do chuyển nhượng	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng*
150.000.000	Cổ phần phổ thông	94.892.900	55.107.100

* Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó người lao động được mua ưu đãi cổ phần theo Nghị định 59 sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đối với số cổ phần được mua ưu đãi trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (kể từ ngày 01/10/2016)

b) Cơ cấu cổ đông:

	Cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	1.459	149.797.130	99,86%
1	Tổ chức	7	127.197.570	84,80%
2	Cá nhân	1.452	22.599.560	15,07%
	Cổ đông nước ngoài	18	202.870	0,14%
1	Tổ chức	4	49.050	0,03%
2	Cá nhân	14	153.820	0,10%
	Tổng cộng	1.477	150.000.000	100%

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như vôi, phèn, clo,
- Lượng nước sau khi qua các bể xử lý và vào mạng tiêu thụ một phần nhỏ tại bể thu hồi nước rửa lọc sẽ được bơm tái xử lý để sử dụng làm nguyên liệu cho lượng nước sạch sử lý tiếp theo. Lượng bùn còn tồn lại sẽ được vận chuyển và sử dụng làm nguyên liệu của khâu sản xuất gạch xây dựng tại nhà máy 3R.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ: trực tiếp và gián tiếp.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *khí bioga, điện năng*.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: thực hiện công nghệ thu hồi khí bioga từ các bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh kết hợp phát điện sử dụng điện dùng nội bộ xí nghiệp xử lý chất thải.

c) Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước: Nước mặt sông Đồng Nai, sông Sài Gòn.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

e) Chính sách liên quan đến người lao động

Đến cuối năm 2018, công ty có tổng số CBCNV là 1.110 người. Trình độ CBCNV công ty như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và Trên Đại học	238	21,44
2	Cao đẳng	78	7,03
3	Trung học	195	17,57
4	Công nhân kỹ thuật	503	45,32
5	Khác	96	8,65
6	Tổng cộng	1.110	100

Trong năm 2018: tăng 72 người so với năm 2017 (1.038 người).

Nhằm tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong hoạt động tại các đơn vị trực thuộc, vừa qua công ty cũng hoàn tất thực hiện chuyển đổi đăng ký thành lập 16 chi nhánh, Như vậy, đến nay công ty có:

+ **17 Chi nhánh** trực thuộc gồm: **9** Chi nhánh Cấp nước: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu liên hợp, Tân Uyên, Thuận An, Bàu Bàng, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh, **1** Chi nhánh Xử lý chất thải, **4** Chi nhánh xử lý nước thải: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An (thành lập mới), Tân Uyên (thành lập mới); **1** Chi nhánh tư vấn Cấp thoát nước, **1** Chi nhánh dịch vụ đô thị và **1** Chi nhánh Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE.

+ **4 Ban Quản lý dự án** và **5 phòng** nghiệp vụ: Nhân sự quản trị, Tài chính kế toán, Kế hoạch, Chống Thất Thoát và Phòng Quản lý tài sản.

+ **2 Trung tâm**: Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE và trung tâm quản lý chất lượng nước.

f) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thu nhập đầu người năm 2018 bình quân khoảng 14,1 triệu đồng/người.
- Trong năm, nâng lương đúng hạn cho người lao động và giải quyết các chế độ phụ cấp độc hại cho công nhân làm việc ở những công việc độc hại (phụ cấp 10% lương, phụ cấp thêm 4.000 đồng/ngày và tặng đường, sữa), tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho các nhân viên xí nghiệp rác.
- Ngoài các trường hợp thử việc, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (100%), bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thoả ước lao động được ký với công đoàn, đại diện cán bộ công nhân viên và được cấp trên phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát lại những nhân viên hết hạn hợp đồng, đánh giá lại năng lực nếu đạt yêu cầu thì tiếp tục ký hợp đồng.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tại các bệnh viện có uy tín, mua thẻ xanh và thẻ vàng cho cán bộ chủ chốt khám chữa bệnh tại các bệnh viện lớn trong và ngoài nước tại hệ thống Bảo hiểm Bảo Việt. Ngoài ra, công đoàn hướng dẫn, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV ở những cơ sở y tế có độ tin cậy cao.

g) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty thành lập hẳn một trung tâm đào tạo, có nhiệm vụ tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu, mở rộng theo yêu cầu hoạt động SXKD của công ty. Ngoài ra, công ty còn tổ chức các buổi hội thảo các công nghệ thiết bị mới nhằm nắm bắt kịp thời các tiến bộ của thế giới và trong nước, thực hiện tiêu chí không để lỗi thời trong khoa học công nghệ so với thế giới.
- Kết quả công tác đào tạo trong năm, hoàn thành khóa đào tạo đại học công nghệ môi trường. Về chương trình giáo dục học đường trong năm ngoài chuyên đề “ sử dụng nước sạch và bảo vệ nguồn nước” còn mở rộng thêm chuyên đề nước thải. Đây là sự phối hợp rất tốt giữa công ty, sở giáo dục đào tạo và các sở ngành liên quan góp phần tạo ra sự nhận thức cho các em học sinh về tầm quan trọng của môi trường sống của chúng ta ngay từ bậc tiểu học.
- Hiện nay công ty có 3 trung tâm nghiên cứu ở các lĩnh vực: Điện – Điện tử, tin học, hóa -sinh, cơ khí nhằm nghiên cứu sâu hơn trong việc xử lý các loại nước thải, từng bước làm chủ trong điện điều khiển phần mềm SCADA, nhằm tiết kiệm điện và lao động. Riêng về cơ khí, công ty tiếp tục nâng cao năng lực cho nhân viên ở bộ phận này nhằm tự chủ dần về công nghệ phải nhập ngoại, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

h) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.
- Trong năm, công đoàn thực hiện: Ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, tặng quà cho các bộ đội biên phòng và đồng bào nghèo, hỗ trợ, cấp học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, bệnh tâm thần v.v, góp phần tích cực vào chương trình an sinh xã hội của chính phủ.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

- Nhìn chung trong năm 2018 kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết HĐQT giao đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra nhất là các chỉ tiêu chính về doanh thu và tỷ lệ thất thoát nước.
- Ngoài ra, trong năm công ty thực hiện chấp hành tốt các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình hoạt động

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với
		năm 2018	năm 2018	KH
		(1)	(2)	(3=2/1)
1. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.044	2.247	110%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	262	238	110%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	227	313	138%
4. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	144.126.000	131.661.233	86%
5. Đầu nối khách hàng	KH	38.298	31,398	82%
6. Thất thoát nước	%	6,5	5,75	Giảm 0,75%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cổ phiếu	1.587	1.733	109%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu = Lợi nhuận sau thuế/doanh thu =

ROS = 313/2.247 tỷ đồng = 14% (ROS năm 2017: 11,5%). Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (trừ nguồn vốn loại trừ)

ROE = 12% (ROE năm 2017: 10.51%).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (trừ Tài sản loại ra)

ROA = 313 tỷ đồng /7.217,9 tr VND = 4,3% (ROA năm 2017: 3,85 %)

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA như tính toán trên đều cao hơn so với năm 2017 và hiệu quả hoạt động công ty theo đánh giá đạt khá cao so với năm trước cũng như so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành.

b) Tình hình nợ phải trả

+ Khả năng thanh toán nợ: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn = $1.395.395 \text{ trđ} / 2.234.279 \text{ trđ} = 62\% \rightarrow$ Khả năng thanh toán nợ = $0,62 < 1$ lần. Hệ số này cho thấy tại thời điểm 31/12/2018, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty chỉ đạt 62%, tuy nhiên trong tổng số 2.234 tỷ đồng nợ phải trả có 843 tỷ đồng vốn ngân sách cho Công ty tạm ứng để thanh toán cho dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Dĩ An. Số tiền này Công ty đã trả lại ngân sách vào tháng 1/2019 từ tiền tài trợ cho dự án (NS cấp phát), đồng thời khoản nợ ngắn hạn trên còn có 248 tỷ đồng là khoản phải trả cho nhà thầu thi công các dự án khác từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Chi phí dở dang liên quan đến khoản phải trả 248 tỷ đồng này khi tổng hợp báo cáo tài chính thể hiện ở chỉ tiêu tài sản dài hạn, trong khi số nợ phải trả thể hiện ở chỉ tiêu nợ phải trả ngắn hạn.

Do vậy, sau khi nợ ngắn hạn trừ đi 2 khoản phải trả trên (843 tỷ + 248 tỷ) thì hệ số tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn = $1.395.395 \text{ trđ} / (2.234.279 \text{ tr} - 843.003 \text{ tr} - 248.203 \text{ tr}) = 1,22 \rightarrow$ Khả năng thanh toán nợ = $1,22 > 1$ lần. Hệ số này cho thấy Công ty đảm bảo có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

+ Hệ số tài sản dài hạn/nợ dài hạn: Giá trị tài sản dài hạn/nợ dài hạn = $12.221.106 \text{ tr} / 7.205.960 \text{ tr} = 1,69$ lần. Công ty có đủ và vượt khả năng thanh toán nợ dài hạn.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: Nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu = $9.630.960 \text{ Tr} / 4.066.666 \text{ Tr} = 2,37$ lần. Tuy nhiên, do chưa có văn bản xử lý, bàn giao các tài sản liên quan đến lĩnh vực thoát nước không tính vào giá trị doanh nghiệp nên công ty vẫn phải theo dõi, ghi nhận cụ thể giá trị tài sản công trình thoát nước 6.478,9 tỷ đồng, tương đương nợ phải trả 4.944,07 tỷ đồng và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 1.534,83 tỷ đồng. Như vậy, nếu loại trừ thì hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = $4.686,8 / 2.531,83 = 1,85$ lần \rightarrow Tỷ lệ này cao, tuy nhiên vẫn nằm trong hệ số an toàn (hệ số cho phép là không quá 3 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp để nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng, và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động tạo ra sản phẩm mới, giải pháp hiệu quả, tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành giữa công ty và các xí nghiệp;
- Ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất để hạn chế hao hụt, thất thoát, rủi ro gây ra.
- Đầu tư mở rộng phát triển hệ thống cấp nước ra các vùng ven đô thị, tăng cường đầu nối khách hàng.

- Xây dựng phương án và trình phê duyệt điều chỉnh đơn giá xử lý rác sinh hoạt phù hợp chi phí thực tế.
- Tăng cường công tác nhân sự, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, bán hàng để đáp ứng tương xứng với giá cả dịch vụ mới.
- Nghiên cứu hoạt động M&A để trở thành một kênh đầu tư kinh doanh của công ty trong tương lai; khi gặp môi trường tốt sẽ nắm lấy thời cơ để tăng thêm.
- Nêu cao tin thần trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, sạch sẽ của chất lượng sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để Bình Dương luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh để mạnh dạng mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Ngoài các trường hợp thử việc, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (100%), bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thoả ước lao động được ký với công đoàn, đại diện cán bộ công nhân viên và được cấp trên phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát lại những nhân viên hết hạn hợp đồng, đánh giá lại năng lực nếu đạt yêu cầu thì tiếp tục ký hợp đồng.
- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn để làm kinh tế phụ gia đình, bảo lãnh cho CBCNV vay ở các ngân hàng.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm Công đoàn cơ sở công ty còn thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương như xây dựng nhà tình thương, nghĩa tình, tặng học bổng cho học sinh nghèo, tham gia tài trợ chương trình trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, mồ côi, bệnh tim..cũng như tích cực tham gia các hoạt động xã hội khác theo thời điểm do liên đoàn lao động tỉnh, UB mặt trận tổ quốc tỉnh và các đơn vị khác ... tổ chức và kêu gọi ủng hộ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ

đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty.
- Ban giám đốc thực hiện tốt nghị quyết Hội đồng quản trị và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về hoạt động của doanh nghiệp.
- Hàng tháng, Tổng Giám đốc đều lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc công ty đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
- Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành rất tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy mà mặc dù trong điều kiện cũng còn không ít khó khăn do công ty mới thành lập bước đầu, xong các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh và đầu tư vẫn được hoàn thành tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình.
- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị công ty theo định hướng phát triển.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Mở rộng sản phẩm truyền thống, tìm kiếm thị trường mới, sản phẩm mới để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương – thưởng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo kiểm toán độc lập số 220219.020/BCTC.KT1 lập ngày 22/02/2019): “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty cổ phần nước môi trường Bình Dương đã được công bố thông tin trên website www.biwase.com.vn, chuyên mục Quan hệ cổ đông.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Trần Chiến Công
Tổng Giám Đốc